

HỎA TỐC

KẾ HOẠCH
Thực hiện kịch bản tăng trưởng GRDP quý II
và các quý còn lại năm 2026

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 đạt từ 10% trở lên, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện tăng trưởng GRDP quý II và các quý còn lại năm 2026, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ TĂNG TRƯỞNG QUÝ I/2026

Theo thông báo của Cục Thống kê tại Công văn số 772/CTK-TKQG ngày 01/4/2026, tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Cà Mau (GRDP) quý I (theo giá so sánh 2020) ước tăng 5,64% so cùng kỳ, thấp hơn so với kịch bản tăng trưởng đề ra (*kịch bản quý I tăng 9,4%*). Tăng trưởng cụ thể 03 khu vực như sau:

1. Khu vực I (Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản)

Giá trị tăng thêm quý I tăng 4,19% so cùng kỳ; thấp hơn so với kịch bản tăng trưởng đề ra (*kịch bản tăng 5,1%*), chiếm 40,03% GRDP, đóng góp 1,70 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung (5,64%). Trong đó:

- Giá trị tăng thêm ngành khai thác, nuôi trồng thủy sản tăng 6,20% so cùng kỳ, chiếm 61,43% Khu vực I, chiếm 24,59% GRDP. Sản lượng thủy sản quý I ước đạt 263.500 tấn, tăng 5,8% so cùng kỳ; trong cơ cấu ngành, tôm tiếp tục là sản phẩm chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng thủy sản của tỉnh: Sản lượng tôm đạt 106.900 tấn, tăng 14,92% so cùng kỳ.

- Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) tăng 1,06%, chiếm 37,97% Khu vực I, chiếm 15,20% GRDP. Sản lượng lúa quý I/2026 ước đạt 1.155.273 tấn, tăng 0,45% so cùng kỳ (*giá trị sản xuất cây lúa chiếm 21,80% trong Khu vực I*). Trong đó: sản lượng lúa vụ Đông Xuân tăng 0,99%, lúa vụ mùa giảm 0,30%. Đối với cây lúa vụ Đông Xuân diện tích gieo trồng năm 2026 tăng 0,02% so với năm 2025, sản lượng ước tăng 0,99% so với cùng kỳ.

2. Khu vực II (Công nghiệp và Xây dựng)

Giá trị tăng thêm quý I/2026 tăng 2,99% so cùng kỳ, thấp hơn kịch bản tăng trưởng đề ra (*kịch bản tăng 14,8%*), chiếm 19% GRDP, đóng góp 0,58 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Trong đó:

2.1. Ngành Công nghiệp: Giá trị tăng thêm quý I/2026 tăng 0,63% so cùng kỳ, chiếm 67,50% trong Khu vực II, chiếm 12,83% GRDP.

Ngành công nghiệp tăng thấp do các ngành: Khai khoáng, sản xuất điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải đều giảm so cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng thấp (tăng 3,88%); đặc biệt là sản lượng khí, điện, đạm trong cụm công nghiệp khí - điện - đạm đều giảm so cùng kỳ ảnh hưởng đến tốc độ tăng chung ngành công nghiệp (*giá trị tăng thêm các ngành trong cụm này chiếm khoảng 70% giá trị toàn ngành công nghiệp*); cụ thể:

- Sản lượng nhiệt điện khí (*chiếm 65,52% tổng sản lượng điện sản xuất*) giảm đáng kể, giảm 8,73% so cùng kỳ, nguyên nhân do nhiên liệu (khí) thiếu hụt, phụ tải hệ thống điện thấp hơn so với cùng kỳ, đã tác động làm chậm tốc độ tăng trưởng của ngành điện.

- Sản lượng điện mặt trời mái nhà giảm 4,78% so cùng kỳ.

- Ngành khai khoáng: Giá trị tăng thêm quý I/2026 giảm 3,79% so cùng kỳ do khí đốt tự nhiên giảm 5,22%, chủ yếu do sản lượng khí khai thác tại mỏ giảm mạnh.

- Bên cạnh đó, một số sản phẩm công nghiệp chủ lực ước quý I/2026 giảm so với cùng kỳ như: Condensate đạt 1.414 tấn, giảm 13,20%; khí tự nhiên dạng khí đạt 425 triệu m³, giảm 4,70%; bia đóng chai đạt 3.573 nghìn lít, giảm 14,20%; Bu tan đã được hoá lỏng (LPG) đạt 26.707 tấn, giảm 29,64%; phân NPK đạt 30.577 tấn, giảm 55,18%; Urê ước đạt 269.470 tấn, giảm 0,83%.

2.2. Ngành Xây dựng: Giá trị tăng thêm quý I/2026 tăng 8,27% so cùng kỳ, chiếm 32,50% trong Khu vực II, chiếm 6,17% GRDP.

3. Khu vực III (Dịch vụ)

Giá trị tăng thêm quý I/2026 tăng 8,39% so cùng kỳ, thấp hơn so với kịch bản tăng trưởng đề ra (*kịch bản Khu vực III quý I/2026 tăng 10,8%*), chiếm 35,86% GRDP.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong quý I đạt 41.532 tỷ đồng, tăng 13,2% so cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 31.919 tỷ đồng, chiếm 76,85% tổng mức và tăng 13,61% so cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 4.273 tỷ đồng, tăng 13,61% so cùng kỳ.

4. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: Quý I/2026 tăng 8,64% so cùng kỳ, chiếm 5,11% GRDP.

5. Nguyên nhân tăng trưởng quý I không đạt so với kế hoạch

5.1. Nguyên nhân khách quan

- Đối với cây lúa vụ mùa sản lượng giảm so với cùng kỳ nguyên nhân chủ yếu là do diện tích gieo trồng giảm 2,24% (giảm diện tích gieo trồng ở xã Phong Hiệp). Vụ Đông Xuân năm nay, sản xuất lúa gặp khó khăn do mưa lớn kéo dài cùng với triều cường dâng cao, khiến một số khu vực trũng thấp bị ngập úng. Bên cạnh đó, chi phí đầu vào cho sản xuất có xu hướng gia tăng do giá xăng dầu tăng, kéo theo chi phí vận chuyển và giá vật tư nông nghiệp, đặc biệt là phân bón, tăng khoảng 10

- 15%. Trong khi đó, giá lúa thương phẩm trên thị trường lại có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của người trồng lúa. Ngoài ra, do thời tiết diễn biến phức tạp, xuất hiện mưa trái mùa, lượng mưa lớn gây thiệt hại sản xuất diêm nghiệp; tình hình dịch bệnh trên vật nuôi còn phát sinh từ đó, dẫn đến Khu vực I không đạt kế hoạch đề ra.

- Ngành công nghiệp tăng thấp do giá xăng, dầu tăng cao, doanh nghiệp chủ động điều tiết sản lượng sản xuất để tránh lượng tồn kho cao. Nhà máy điện gió tỉnh Bạc Liêu (giai đoạn 3, một phần dự án với khoảng 99MW) dự kiến đưa vào hoạt động trong quý I, tuy nhiên do vướng giải phóng mặt bằng đường dây đầu nối từ các trụ tua bin về nhà máy nên chưa thể đưa vào vận hành như dự kiến.

- Khu vực dịch vụ tăng thấp hơn kịch bản đề ra là do ảnh hưởng chung của căng thẳng quân sự trên thế giới tác động đến nền kinh tế, đơn hàng xuất khẩu thủy sản giảm làm ảnh hưởng đến nhóm ngành bán buôn; giá nguyên liệu tăng; một số doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh chịu ảnh hưởng lớn; sức mua trong dân giảm (sản lượng chế biến tôm và thủy sản chỉ đạt 92,6% kế hoạch; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ chỉ đạt 81,9% kế hoạch...).

5.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo một số ngành, địa phương có lúc chưa thật sự quyết liệt, đổi mới, bứt phá, chưa xác định cụ thể nhiệm vụ để chỉ đạo thực hiện trong thúc đẩy tăng trưởng; công tác tham mưu đôi lúc chưa đáp ứng yêu cầu, công tác dự báo còn hạn chế, giải pháp đề xuất thiếu tính khả thi và chưa gắn với điều kiện thực tiễn; chưa kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Công tác phối hợp có lúc, có việc chưa chặt chẽ. Trách nhiệm của một số ít cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu; thiếu chủ động trong tham mưu, xử lý công việc.

- Việc khai thác các dự địa tăng trưởng, thúc đẩy cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Dự báo tình hình

Trong quý II, dự báo tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường; căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt, kéo dài; an ninh năng lượng, tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu tiềm ẩn nhiều rủi ro... Đối với nước ta, kinh tế vĩ mô tiềm ẩn rủi ro do tác động từ các yếu tố bất lợi bên ngoài; giá xăng, dầu biến động mạnh, chuỗi cung ứng năng lượng gián đoạn, chi phí vận tải tăng cao.

Đối với tỉnh, trong quý II sẽ xuất hiện thêm yếu tố mới: Nhà máy điện gió tỉnh Bạc Liêu (giai đoạn 3) đưa vào hoạt động (một phần dự án với khoảng 99MW); nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú đưa vào vận hành với tổng công suất 20.000 tấn/năm, sẽ đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Bên cạnh thuận lợi, tỉnh còn đối mặt nhiều khó khăn như: Hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tác động nặng nề của biến đổi khí hậu, thiên tai; sản lượng khí, điện, đạm trong Cụm công nghiệp Khí

- Điện - Đạm có xu hướng giảm; một số chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí tiếp tục triển khai thực hiện để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân dẫn đến nguồn thu ngân sách của tỉnh dự kiến sẽ giảm.

2. Mục tiêu tăng trưởng đối với các khu vực kinh tế

Phần đầu năm 2026, tổng sản phẩm trong tỉnh (theo giá so sánh 2020) đạt 154.916 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2025. Trong đó:

- Khu vực I (Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản) đạt 58.153 tỷ đồng, tăng 5,5% so với năm 2025, cụ thể:

+ Tổng sản lượng thủy sản năm 2026 đạt 1.335.000 tấn, tăng 5,2% so cùng kỳ, trong đó sản lượng tôm đạt 624.000 tấn, tăng 5% so cùng kỳ.

+ Tổng đàn heo xuất chuồng đạt 705 nghìn con, tăng 3,7% so cùng kỳ. Tổng đàn gia cầm xuất chuồng đạt 13.770 nghìn con, tăng 4,5% so cùng kỳ.

+ Sản lượng khai thác gỗ 676.000 m³, tăng 4% so cùng kỳ.

- Khu vực II (Công nghiệp và Xây dựng) đạt 32.224 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2025, cụ thể:

+ Sản lượng chế biến tôm đạt 415.800 tấn, tăng 13% so cùng kỳ.

+ Sản lượng điện sản xuất đạt 9.100 triệu kWh, tăng 10,7% so cùng kỳ.

+ Sản lượng LPG - Condensate đạt 142.800 tấn, tăng 8,7% so cùng kỳ; sản lượng khí thương phẩm đạt 1.800 triệu m³, tăng 1,6% so cùng kỳ; sản lượng phân bón đạt 1,174 triệu tấn.

+ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 90.000 tỷ đồng, tăng 25% so cùng kỳ.

- Khu vực III (Dịch vụ) đạt 58.087 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm 2025, cụ thể:

+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 162.700 tỷ đồng, tăng 14,8% so cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu đạt 2.800 triệu USD, tăng 7% so cùng kỳ.

+ Tổng lượng khách du lịch đạt 8.600 nghìn lượt, tăng 6% so cùng kỳ. Tổng thu du lịch đạt 9.550 tỷ đồng, tăng 11% so cùng kỳ.

- Thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm đạt 6.452 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2025.

3. Kế hoạch tăng trưởng kinh tế của quý II và các quý còn lại năm 2026

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 đạt từ 10% trở lên thì quý II và các quý còn lại của năm 2026 phải bảo đảm tăng trưởng cụ thể như sau:

- Quý II: Phần đầu GRDP đạt 35.420 tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực I đạt 12.049 tỷ đồng, tăng 5,0% so cùng kỳ; Khu vực II đạt 8.186 tỷ đồng, tăng 18,0% so cùng kỳ; Khu vực III đạt 13.442 tỷ đồng, tăng 11,5% so cùng kỳ; thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm đạt 1.743 tỷ đồng, tăng 9,0% so cùng kỳ.

- 6 tháng: GRDP đạt 70.630 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực I đạt 26.144 tỷ đồng, tăng 4,6% so cùng kỳ; Khu vực II đạt khoảng 14.876 tỷ đồng, tăng 10,7% so cùng kỳ; Khu vực III đạt 26.070 tỷ đồng, tăng 10% so cùng kỳ; thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm đạt 3.541 tỷ đồng, tăng 8,8% so cùng kỳ.

- Quý III: Phân đầu GRDP đạt 40.100 tỷ đồng, tăng 11,3% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực I đạt 16.050 tỷ đồng, tăng 6,2%; Khu vực II đạt 7.948 tỷ đồng, tăng 20,0% so cùng kỳ; Khu vực III đạt 14.643 tỷ đồng, tăng 13% so cùng kỳ; thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm đạt 1.460 tỷ đồng, tăng 9,0% so cùng kỳ.

- 9 tháng: GRDP đạt 110.730 tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực I đạt 42.194 tỷ đồng, tăng 5,2% so cùng kỳ; Khu vực II đạt khoảng 22.824 tỷ đồng, tăng 13,8% so cùng kỳ; Khu vực III đạt 40.713 tỷ đồng, tăng 11% so cùng kỳ; thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm đạt 5.002 tỷ đồng, tăng 8,9% so cùng kỳ.

- Quý IV: Phân đầu GRDP đạt 44.180 tỷ đồng, tăng 12,1% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực I đạt 15.959 tỷ đồng, tăng 6,4% so cùng kỳ; Khu vực II đạt 9.400 tỷ đồng, tăng 21,7% so cùng kỳ; Khu vực III đạt 17.374 tỷ đồng, tăng 13,5% so cùng kỳ; thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm đạt 1.450 tỷ đồng, tăng 6,1% so cùng kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong quý II

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 đạt từ 10% trở lên, trong quý II, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

- Tập trung xử lý, tháo gỡ dứt điểm các dự án khó khăn, vướng mắc trên Hệ thống 751, đảm bảo không bỏ sót, bỏ lọt dự án cần tháo gỡ, đây sẽ là yếu tố then chốt giúp khơi thông nguồn lực để huy động nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án trọng điểm của tỉnh, như: Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Cà Mau; tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, cảng biển tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai và tuyến đường kết nối từ đất liền ra đảo Hòn Khoai.

- Rà soát, bố trí, xử lý trụ sở đôi dư và tài sản công để tạo nguồn lực phát triển mới.

- Tập trung cắt giảm thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, công bằng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư cho nhà đầu tư và các dự án mà nhà đầu tư quan tâm (năng lượng, hạ tầng, giáo dục, y tế...); bảo đảm doanh nghiệp được tiếp cận đầy đủ về đất đai, hạ tầng, thủ tục hành chính và các nguồn lực phát triển.

- Giải quyết tài chính về đất đai, thực hiện nhanh các thủ tục hành chính đặc biệt là các thủ tục về tài chính đất đai cho các doanh nghiệp, để nhà đầu tư sớm đưa dự án vào hoạt động, góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách tỉnh.

- Tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư và công bố điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thường xuyên theo dõi, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án đầu tư ngoài ngân sách để sớm triển khai thực hiện; hỗ trợ doanh nghiệp, các Nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án, quá trình sản xuất kinh doanh để tạo giá trị, sản phẩm mới cho nền kinh tế, đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế.

- Tập trung xử lý nghiệp vụ về số liệu, đảm bảo tính đúng, tính đủ, không bỏ sót các yếu tố đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Rà soát, theo dõi, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân người đứng đầu trong việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Hàng tháng có đánh giá hiệu quả công việc (KPI), làm cơ sở cho xếp loại cán bộ theo quý.

- Đẩy mạnh phối hợp liên ngành, rút ngắn thời gian xử lý công việc; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

- Chủ động rà soát, khai thác hiệu quả các dự địa tăng trưởng, nhất là các lĩnh vực còn tiềm năng; quyết liệt cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo để huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số.

2. Nhiệm vụ thường xuyên

2.1. Khu vực I (Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản)

Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tập trung ưu tiên phát triển nuôi tôm siêu thâm canh, nuôi tôm quảng canh cải tiến, quảng canh cải tiến 2, 3 giai đoạn, tôm - lúa, tôm - rừng, nuôi tôm sinh thái, tôm hữu cơ... để nâng cao chất lượng, hiệu quả và phát triển ngành hàng tôm. Mở rộng và phát triển loại hình nuôi tôm phù hợp với từng vùng sinh thái để ứng dụng khoa học công nghệ mới và áp dụng các tiêu chuẩn chứng nhận quốc tế. Phân đấu, sản lượng thủy sản phân đấu quý II đạt khoảng 341.000 tấn.

- Xây dựng lịch thời vụ, kế hoạch bố trí sản xuất theo mùa vụ trên các đối tượng tôm, cua, lúa, gỗ, muối; kế hoạch hỗ trợ tiêu thụ đối với các mặt hàng nông sản, thủy sản. Theo dõi, báo cáo thông tin về sản lượng, mùa vụ thu hoạch các loại nông sản, thủy sản chủ lực tại địa phương và vùng nguyên liệu tạo điều kiện kết nối với doanh nghiệp tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp hiện đại; đẩy mạnh chuỗi liên kết sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp.

- Theo dõi diễn biến thị trường, giá cả, tình hình giá tôm nguyên liệu, những khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp trong sản xuất để có giải pháp hỗ trợ kịp thời.

2.2. Khu vực II (Công nghiệp và Xây dựng)

2.2.1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm để bảo đảm cung ứng xăng, dầu, hàng hóa thiết yếu trong mọi tình huống; có giải pháp ứng phó, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đảm bảo mục tiêu phát triển; chỉ đạo quản lý chặt chẽ giá cả thị trường, xử lý nghiêm việc lợi dụng biến động về xăng dầu để nâng giá các hàng hóa tiêu dùng, nhất là các hàng hóa thiết yếu.

- Tổ chức làm việc với các đơn vị trong Cụm Khí - Điện - Đạm và các doanh nghiệp lớn để nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, kịp thời có giải pháp tháo gỡ.

- Tạo điều kiện thuận lợi để đưa Dự án Nhà máy điện gió Bạc Liêu - giai đoạn 3 (99 MW) vào hoạt động trong quý II; phối hợp với cơ quan chuyên môn (Ban Quản lý Khu kinh tế) tạo điều kiện thuận lợi để đưa Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú Khánh An vận hành giai đoạn I, 19.000 tấn/năm trong quý II/2026, giai đoạn II, tổng công suất 35.000 tấn/năm trong quý III/2026, để góp phần tăng trưởng Khu vực II.

- Hỗ trợ các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án điện gió đã có chủ trương và chủ đầu tư xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp 220kV và 110kV truyền tải, phân phối trên địa bàn tỉnh sớm đưa vào vận hành góp phần tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

2.2.2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các bộ, ngành trung ương đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm: Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Cà Mau; tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, cảng biển tổng hợp lương thực Hòn Khoai và tuyến đường kết nối từ đất liền ra đảo Hòn Khoai.

- Theo dõi diễn biến thị trường vật liệu xây dựng chủ yếu, bảo đảm đáp ứng nhu cầu xây dựng trên địa bàn tỉnh; rà soát các dự án, công trình, có các giải pháp đồng bộ bảo đảm vật liệu xây dựng cho các công trình hạ tầng, nhất là các công trình trọng điểm.

2.2.3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Triển khai thực hiện hiệu quả điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; rà soát, bố trí, xử lý trụ sở dôi dư và tài sản công để tạo nguồn lực phát triển mới, không để lãng phí; hình thành các vùng, cực tăng trưởng trọng điểm, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển; khắc phục các điểm nghẽn, hạn chế, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; tập trung thực hiện Kế hoạch thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2026.

- Tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách; bảo đảm cân đối thu, chi ngân sách. Tiết kiệm chi để tăng chi đầu tư các công trình trọng điểm và chi an sinh xã hội; đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất, để tạo nguồn thu cho ngân sách tỉnh.

2.2.4. Ban Quản lý khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau đến năm 2045 theo Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 06/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Khẩn trương rà soát các khu công nghiệp, khu kinh tế Năm Căn để có phương án đầu tư hạ tầng, giải phóng mặt bằng nhằm thu hút đầu tư.

- Đẩy nhanh dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Tắc Thù.

- Tăng cường thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp. Rà soát các dự án đầu tư đã đăng ký nhưng không thực hiện để có phương án xử lý phù hợp.

2.2.5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực 15 tập trung chỉ đạo các tổ chức tín dụng tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả; cân đối nguồn vốn, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng.

2.2.6. Sở, ngành, các ban quản lý dự án cấp tỉnh và UBND các xã, phường:

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ bảo đảm chất lượng, hiệu quả công tác giải ngân vốn đầu tư công và triển khai các công trình, dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông, góp phần tăng trưởng năm 2026; lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; trong đó tập trung hoàn thiện các trình tự, thủ tục khởi công, khánh thành các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, đảm bảo nguồn cung ứng vật liệu cho các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; tập trung duy tu, sửa chữa cầu, đường giao thông nông thôn kịp thời. Tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án xây dựng nhà ở xã hội và các dự án xây dựng các khu đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, hạ tầng, trật tự xây dựng, quản lý đô thị theo hướng nâng cao trách nhiệm; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

- Đẩy mạnh cắt giảm thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh. Nâng cao thứ hạng các chỉ số liên quan cải cách hành chính của tỉnh.

2.3. Khu vực III (Dịch vụ)

2.3.1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường và sản phẩm, tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do; triển khai các giải pháp kích cầu tiêu dùng, đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”; thúc

đẩy phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh. Phần đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý II đạt 39.750 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu đạt 710 triệu USD.

- Thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các Đoàn xúc tiến thương mại nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm của tỉnh, tạo cơ hội để các doanh nghiệp của tỉnh gặp gỡ các doanh nghiệp đối tác để kết nối, trao đổi thông tin, mở rộng thị trường gia tăng kim ngạch xuất khẩu.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 0244/KH-UBND ngày 19/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Cà Mau năm 2026. Thường xuyên cập nhật các xu hướng, khuyến khích doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường; triển khai các giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các FTA đã ký kết.

2.3.2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ du lịch; tạo dựng các sản phẩm du lịch đặc sắc có tính cạnh tranh cao và hấp dẫn khách du lịch. Xây dựng Cà Mau là điểm đến hấp dẫn, độc đáo và mến khách. Trong đó sản phẩm du lịch trọng tâm mang tính cạnh tranh là du lịch địa lý, du lịch tâm linh, du lịch biển, đảo, du lịch sinh thái gắn với hệ thống rừng ngập nước. Phát triển sản phẩm du lịch “Đêm U Minh huyền thoại”. Phần đầu tổng lượng khách du lịch quý II đạt 2,528 triệu lượt.

2.4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các dự án khoa học công nghệ để tạo ra sản phẩm góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2.5. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tập trung tham mưu các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, năng lực của tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; năm 2026 là “năm thực hiện nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở”. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ những ngành, lĩnh vực có thế mạnh, có vai trò quyết định, tạo bước đột phá để phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

IV. CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ TỪNG THÁNG

(Chi tiết tại Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, giải pháp để triển khai thực hiện; phân công nhiệm vụ phải cụ thể, “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả và rõ thẩm quyền”.

2. Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý; báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hằng tháng, quý, năm; gửi về Sở Tài chính để tổng hợp. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ, chỉ tiêu thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được giao năm 2026.

3. Giao Sở Tài chính theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hằng tháng, quý, năm. Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

4. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, đề xuất cấp thẩm quyền nhận xét, đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ hằng tháng của từng lĩnh vực, cơ quan, đơn vị, địa phương tại Kế hoạch này, làm cơ sở cho xếp loại cán bộ theo quý (kèm theo các Phụ lục I, II, III)./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng Khối NC-TH;
- Lưu: VT, KTTH (Nh72), M.A129/5.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi